

Số: 38/2025/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng, loại công trình và tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình trên đất nông nghiệp phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, cảnh quan du lịch tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm b khoản 3 Điều 32 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ các Luật: Đề điều số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14; Thủy lợi số 08/2017/QH14;

Căn cứ các Luật: Thủy sản số 18/2017/QH14; Trồng trọt số 31/2018/QH14; Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

Xét Tờ trình số 328/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc dự thảo Nghị quyết quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng, loại công trình và tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình trên đất nông nghiệp phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, cảnh quan du lịch tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 97/BC-BĐT ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo số 368/BC-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng, loại công trình và tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình trên đất nông nghiệp phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, cảnh quan du lịch tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm b khoản 3 Điều 32 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15).

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng, loại công trình và tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình trên đất nông nghiệp phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, cảnh quan du lịch tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức thực hiện Quy định tại Nghị quyết này;

b) Thực hiện rà soát và ban hành Danh mục vùng sản xuất nông nghiệp tập trung (bao gồm các thông tin cụ thể về ranh giới, vị trí, diện tích của từng vùng);

c) Thực hiện phê duyệt Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung (Phương án), cấp phép xây dựng công trình trên đất nông nghiệp tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung đã được phê duyệt (cấp phép xây dựng công trình) trên địa bàn thành phố Hà Nội hoặc phân cấp, ủy quyền phê duyệt Phương án, cấp phép xây dựng công trình theo quy định;

d) Chỉ đạo các cấp, các ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền, thông báo công khai, rộng rãi nội dung Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng, loại công trình và tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình trên đất nông nghiệp phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, cảnh quan du lịch tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội;

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý các vi phạm trong việc thực hiện quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân; các Ban của Hội đồng nhân dân; các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội tham gia tuyên truyền và phối hợp giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định kèm theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, Kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2025./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: NN và MT, XD, TC, TP, Nội vụ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn ĐBQH TP Hà Nội;
- Thường trực HĐND TP, UBND TP, UBMTTQVN TP;
- Các Ban Đảng của Thành ủy;
- Các Ban của HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND TP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành TP;
- Công an TP;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH & HĐND TP;
- Trung tâm TT, dữ liệu và công nghệ số TP;
- Lưu: VT.





CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn



QUY ĐỊNH

Điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng, loại công trình và tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình trên đất nông nghiệp phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, cảnh quan du lịch tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng, loại công trình và tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình trên đất nông nghiệp phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, sơ chế, bảo quản, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, cảnh quan du lịch tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Quy định này không áp dụng đối với đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi ở các tuyến sông có đê; không áp dụng đối với đất lâm nghiệp, đất chăn nuôi tập trung.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là tổ chức), cá nhân sử dụng đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, nông nghiệp, xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung* là vùng sản xuất chuyên canh một loại sản phẩm nông nghiệp hoặc sản xuất một nhóm sản phẩm nông nghiệp.

2. *Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung* là phương án do cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức quản lý và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.

3. *Nông nghiệp kết hợp với du lịch* là hình thức tổ chức sản xuất trong đó hoạt động sản xuất nông nghiệp là chính kết hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ du lịch diễn ra tại các đơn vị đang tiến hành sản xuất nông nghiệp nhằm thu hút và cung cấp cho khách du lịch các hoạt động tham quan, trải nghiệm gắn với hoạt động nông nghiệp kết hợp với hoạt động du lịch phục vụ du khách.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Đất xây dựng công trình tại vùng sản xuất nông nghiệp tập trung tại Quy định này được thống kê là đất nông nghiệp.

2. Thời hạn tồn tại của công trình không vượt quá thời gian sử dụng đất còn lại được nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Công trình chỉ được xây dựng, lắp dựng 01 tầng, dễ dàng tháo dỡ, ưu tiên sử dụng các loại vật liệu thân thiện với môi trường, mái lợp vật liệu nhẹ, không được xây dựng tầng hầm. Vị trí xây dựng, lắp dựng công trình phù hợp với các Tiêu chuẩn quốc gia (nếu có).

4. Việc xây dựng, cải tạo và sử dụng công trình phải phù hợp với Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn trong xây dựng và bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành. Công trình có thiết kế xây dựng được lập, thẩm định và phê duyệt theo quy định pháp luật về xây dựng; không làm ảnh hưởng đến công trình thủy lợi, công trình đê điều, công trình giao thông nội đồng, công trình nằm trên diện tích đất liền kề và việc sử dụng đất của các thửa đất liền kề.

5. Trường hợp cần người bảo vệ khu vực sản xuất phải thực hiện đăng ký với chính quyền cấp xã về số lượng người, thời gian bảo vệ trước khi thực hiện. Chỉ sử dụng công trình đúng với mục đích được phê duyệt tại Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.

6. Chỉ thực hiện điều chỉnh Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trong trường hợp bất khả kháng do thiên tai; thay đổi chính sách hoặc thay đổi quy hoạch của nhà nước.

7. Đối với công trình xây dựng không vi phạm nhưng bị tháo dỡ hoặc phá dỡ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì được hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 102 Luật Đất đai.

Chương II

ĐIỀU KIỆN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 5. Điều kiện chung

1. Thuộc diện tích đất nông nghiệp trong vùng sản xuất nông nghiệp tập trung được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.
2. Phù hợp với Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung được phê duyệt.
3. Được cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng (trừ công trình nhà ươm, nhà trồng cây nông nghiệp).

Điều 6. Lập và phê duyệt Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

1. Căn cứ danh mục vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn Thành phố do Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã lập Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn xã, phường.
2. Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung hoặc phân cấp, ủy quyền việc phê duyệt theo quy định.
3. Nội dung Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Quy định này. Vị trí, quy mô, diện tích công trình, kết cấu công trình được thể hiện trên bản đồ theo tỷ lệ 1/500.
4. Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung phải được lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất hợp pháp trong vùng sản xuất nông nghiệp tập trung. Chỉ được phê duyệt Phương án khi: có sự thống nhất của tối thiểu 51% số lượng tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất hợp pháp và đáp ứng tối thiểu 51% diện tích vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát việc quản lý đất nông nghiệp tại vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, thực hiện các giải pháp xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.
5. Các bước thực hiện:
 - a) Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường cấp xã tổ chức lập, lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất hợp pháp trong vùng sản xuất nông nghiệp tập trung về Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung;
 - b) Sau khi lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất hợp pháp trong vùng sản xuất nông nghiệp tập trung và thực hiện rà soát việc quản lý đất nông nghiệp tại vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, thực hiện các giải pháp xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung;

c) Chậm nhất 15 ngày sau khi phê duyệt Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung tổ chức công bố công khai Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp đã được phê duyệt bằng các hình thức sau: Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng; đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; Tổ chức hội nghị, hội thảo đã được phê duyệt có sự tham gia của đại diện tổ chức, cơ quan có liên quan, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, đại diện nhân dân trong vùng quy hoạch, cơ quan thông tấn báo chí để công bố Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; Trưng bày thường xuyên, liên tục Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung và bản đồ vị trí, quy mô, diện tích công trình, kết cấu công trình (bản đồ tỷ lệ 1/500) tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Trường hợp điều chỉnh Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung: Các bước thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Chương III

LOẠI CÔNG TRÌNH, TỶ LỆ DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 7. Loại công trình phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, cảnh quan du lịch

1. Công trình phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp:

a) Công trình phục vụ chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động là công trình dạng nhà có kết cấu móng, tường xây gạch 110 hoặc vách bằng vật liệu lắp ghép; nền lát gạch xi măng, gạch chỉ hoặc láng xi măng có đánh màu; mái lợp bằng tôn hoặc tấm nhựa hoặc các vật liệu thân thiện với môi trường;

b) Công trình để sản xuất mạ khay phục vụ cấy máy là công trình dạng nhà có kết cấu móng, cột thép hoặc bê tông; vách bằng vật liệu lắp ghép (được xây tường gạch 110, cao tối đa 40 cen-ti-mét (cm) so với mặt đất); mái lợp bằng tôn hoặc tấm nhựa hoặc các vật liệu thân thiện với môi trường;

c) Công trình nhà ươm, nhà trồng cây nông nghiệp là công trình được xây dựng và lắp đặt bởi các kết cấu khung và bao quanh bằng màng chất dẻo, tấm nhựa phẳng hoặc các loại lưới, nhằm kiểm soát yếu tố môi trường, sâu bệnh hại và đảm bảo thực hiện thuận lợi các hoạt động ươm, trồng và chăm sóc cây trồng; đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Quốc gia hiện hành về nhà

uom, trồng cây nông nghiệp. Không xây dựng công trình nhà uom, nhà trồng cây nông nghiệp tại vùng sản xuất lúa tập trung.

2. Công trình phục vụ chế biến, bảo quản nông sản là công trình dạng nhà có kết cấu móng, cột thép hoặc bê tông; vách bằng vật liệu lắp ghép (được xây tường gạch 110, cao tối đa 40 cen-ti-mét (cm) so với mặt đất); mái lợp bằng tôn hoặc tấm nhựa; được lắp đặt silo, máy xay sát, máy sấy thóc, dây chuyền phục vụ sơ chế, sấy thóc và hệ thống thiết bị khác phục vụ hoạt động sơ chế ban đầu và bảo quản nông sản đối với sản xuất rau, hoa, cây ăn quả hoặc phục vụ sấy thóc và xay sát gạo.

3. Công trình phục vụ trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp là công trình dạng nhà có kết cấu móng, cột thép hoặc bê tông; vách bằng vật liệu lắp ghép (được xây tường gạch 110, cao tối đa 40 cen-ti-mét (cm) so với mặt đất), mái lợp bằng tôn hoặc tấm nhựa hoặc các vật liệu thân thiện với môi trường.

Công trình phục vụ trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp chỉ được xây dựng tại vùng sản xuất nông nghiệp tập trung có hạng mục công trình cảnh quan du lịch. Đảm bảo yêu cầu không đặt ở vị trí lối ra, vào, đầu nối trực tiếp với đường giao thông của khu vực theo quy định hiện hành.

4. Công trình cảnh quan du lịch là hệ thống công trình, với mục đích cung cấp dịch vụ du lịch diễn ra tại các đơn vị đang tiến hành sản xuất nông nghiệp, bao gồm các hạng mục: nhà tiếp đón; nhà vệ sinh; chòi nghỉ chân; hệ thống biển chỉ dẫn và các công trình kết cấu quy mô nhỏ lẻ khác để tạo điểm nhấn thẩm mỹ, phục vụ đi lại, dịch vụ du lịch; không bao gồm lưu trú, nhà hàng.

a) Nhà tiếp đón là công trình dạng nhà có kết cấu móng, cột thép hoặc bê tông, vách bằng vật liệu lắp ghép (được xây tường gạch 110 cao tối đa 40 cen-ti-mét (cm) so với mặt đất), mái lợp bằng tôn hoặc tấm nhựa hoặc các vật liệu thân thiện với môi trường;

b) Chòi nghỉ chân là công trình dạng nhà có kết cấu móng, cột thép hoặc bê tông, không có vách xung quanh, mái lợp bằng tôn hoặc tấm nhựa hoặc các vật liệu thân thiện với môi trường;

c) Nhà vệ sinh dạng nhà có kết cấu móng, tường xây gạch 110 hoặc vách bằng vật liệu lắp ghép; nền lát gạch xi măng, gạch chỉ hoặc láng xi măng có đánh màu; mái lợp bằng tôn hoặc tấm nhựa hoặc các vật liệu thân thiện với môi trường;

d) Các công trình còn lại là các dạng vật kiến trúc không có kết cấu dạng nhà.

Điều 8. Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình

1. Công trình phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp:

a) Công trình phục vụ chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động:

- Trong vùng sản xuất hoa, cây cảnh tập trung: tổ chức, cá nhân có diện tích đất từ 2.000 mét vuông (m^2) trở lên được sử dụng không quá 1,5% diện tích để xây dựng 01 công trình, diện tích công trình tối đa 30 mét vuông (m^2).

- Trong vùng sản xuất cây ăn quả tập trung: tổ chức, cá nhân có diện tích đất từ 10.000 mét vuông (m^2) trở lên được sử dụng không quá 0,3% diện tích để xây dựng 01 công trình, diện tích công trình tối đa 30 mét vuông (m^2).

- Trong vùng nuôi trồng thủy sản tập trung: tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có diện tích đất nuôi trồng thủy sản từ 5.000 mét vuông (m^2) trở lên được sử dụng không quá 0,6% diện tích để xây dựng 01 công trình, diện tích công trình tối đa 30 mét vuông (m^2).

b) Công trình nhà ươm, nhà trồng cây nông nghiệp: Tổ chức, cá nhân trong vùng được sử dụng tối đa 80% diện tích đất để xây dựng nhà ươm, nhà trồng cây nông nghiệp;

c) Công trình để sản xuất mạ khay phục vụ cấy máy: Vùng sản xuất lúa tập trung có diện tích tối thiểu từ 300 héc-ta (ha) được sử dụng không quá 0,02% diện tích để xây dựng công trình, diện tích công trình tối đa 700 mét vuông (m^2), một vùng được xây dựng tối đa 01 công trình để gieo, dưỡng mạ và phục vụ chứa máy móc thiết bị (giàn gieo mạ, máy cấy và máy móc thiết bị khác).

2. Công trình phục vụ chế biến, bảo quản nông sản:

a) Đối với vùng sản xuất rau tập trung, vùng sản xuất hoa tập trung, vùng sản xuất cây ăn quả tập trung: Được sử dụng 0,1% diện tích vùng để xây dựng công trình, theo nguyên tắc cứ 10 héc-ta (ha) được xây dựng 01 công trình. Diện tích 01 công trình tối thiểu 100 mét vuông (m^2) và tối đa 300 mét vuông (m^2), một vùng được xây dựng tối đa 05 công trình;

b) Đối với vùng sản xuất lúa tập trung có diện tích từ 100 ha trở lên được sử dụng tối đa 0,1% diện tích để xây dựng công trình. Diện tích 01 công trình tối đa 1.000 mét vuông (m^2), một vùng được xây dựng tối đa 02 công trình;

3. Công trình phục vụ trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp: được sử dụng không quá 0,1% diện tích vùng để xây dựng công trình, diện tích một công trình tối thiểu 100 mét vuông (m^2) và tối đa 200 mét vuông (m^2), một vùng được xây dựng tối đa 01 công trình.

4. Công trình cảnh quan du lịch: Được sử dụng tối đa không quá 0,1% diện tích vùng sản xuất nông nghiệp tập trung nhưng tổng diện tích xây dựng không quá 500 mét vuông (m^2) để xây dựng công trình trong đó có tối đa 200 m^2 để xây dựng nhà tiếp đón, 50 mét vuông (m^2) để xây dựng nhà vệ sinh hoặc lắp đặt nhà vệ sinh di động, còn lại là chòi nghỉ chân và các công trình dạng vật kiến trúc khác không có kết cấu dạng nhà.

Chương IV

TRÌNH TỰ THỦ TỤC CẤP PHÉP XÂY DỰNG

Điều 9. Trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng công trình trên đất nông nghiệp tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình trên đất nông nghiệp tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Quy định này;

b) Bản sao một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Hồ sơ thiết kế xây dựng: 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng kèm theo gồm: bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình; bản vẽ mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình; bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện; bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liền kề (đối với công trình xây dựng có công trình liền kề); kết quả thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường (nếu có).

2. Trình tự cấp phép xây dựng:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa. Khi thẩm định hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải xác định tài liệu còn thiếu, tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có trách nhiệm thông báo đến tổ chức, cá nhân về lý do không cấp giấy phép;

d) Chậm nhất sau 05 ngày tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có trách nhiệm đối chiếu các điều kiện theo quy định của Nghị quyết này có văn bản lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng nếu trong hồ sơ có thông tin không đầy đủ hoặc không thống nhất;

đ) Trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn trên, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; cơ quan có thẩm quyền cấp phép căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng;

e) Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải xem xét hồ sơ để cấp giấy phép trong thời gian 15 ngày. Trường hợp đến thời hạn cấp giấy phép nhưng cần phải xem xét thêm thì cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết lý do, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý trực tiếp xem xét và chỉ đạo thực hiện, nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn theo quy định tại khoản này;

g) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng chữ ký điện tử của cơ quan mình hoặc mẫu dấu để cấp phép xây dựng theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Quy định này.

3. Gia hạn giấy phép xây dựng:

a) Trước thời điểm giấy phép xây dựng hết hiệu lực khởi công xây dựng, nếu công trình chưa được khởi công thì tổ chức, cá nhân phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. Mỗi giấy phép xây dựng chỉ được gia hạn tối đa 02 lần. Thời gian gia hạn mỗi lần là 12 tháng. Khi hết thời hạn gia hạn giấy phép xây dựng mà chưa khởi công xây dựng thì tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng mới;

b) Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng gồm: Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo Mẫu số 04 Phụ lục kèm theo Quy định này; Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp.

4. Cấp lại giấy phép xây dựng:

a) Giấy phép xây dựng được cấp lại trong trường hợp bị rách, nát hoặc bị mất;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng gồm: Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng theo Mẫu số 04 Phụ lục kèm theo Quy định này; Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp đối với trường hợp giấy phép xây dựng bị rách, nát.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Sở, ngành Thành phố

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố việc phê duyệt Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, cấp phép xây dựng công trình trên đất nông nghiệp tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội hoặc phân cấp, uỷ quyền việc phê duyệt Phương án, cấp phép xây dựng công trình theo quy định;

b) Chủ trì tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các sở chuyên ngành hướng dẫn, kịp thời tháo gỡ;

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành Thành phố đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc lập, phê duyệt và triển khai thực hiện Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung;

d) Hàng năm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành của Thành phố để kiểm tra hoạt động xây dựng công trình trên đất nông nghiệp tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Sở Xây dựng:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố việc phê duyệt Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, cấp phép xây dựng công trình trên đất nông nghiệp tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội hoặc phân cấp, uỷ quyền việc phê duyệt Phương án, cấp phép xây dựng công trình theo quy định;

b) Hướng dẫn về việc đấu nối hạ tầng, giao thông để phục vụ xây dựng Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra hoạt động xây dựng công trình trên đất nông nghiệp tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Sở Quy hoạch và Kiến trúc, Sở Du lịch và các sở, ngành liên quan:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố việc phê duyệt Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập

trung, cấp phép xây dựng công trình trên đất nông nghiệp tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội hoặc phân cấp, ủy quyền việc phê duyệt Phương án, cấp phép xây dựng công trình theo quy định;

b) Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra hoạt động xây dựng công trình trên đất nông nghiệp tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường cấp xã lập Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; điều chỉnh Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung. Tổ chức phê duyệt, điều chỉnh Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn theo Quy định này (khi được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp, ủy quyền).

2. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ lập, điều chỉnh Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.

3. Tổ chức thực hiện cấp phép xây dựng công trình trên đất nông nghiệp tại vùng sản xuất nông nghiệp tập trung đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn theo đúng quy định khi được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp.

4. Thường xuyên tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát, lập hồ sơ theo dõi việc xây dựng công trình trên đất nông nghiệp theo đúng quy định.

5. Thành lập đoàn kiểm tra và kiểm tra định kỳ ít nhất 01 lần/năm tình hình xây dựng và sử dụng công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp trên đất nông nghiệp của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Thành phần đoàn kiểm tra gồm đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường, xây dựng, thanh tra cấp xã, công an xã, đại diện các thôn, tổ dân phố. Thực hiện kiểm tra đột xuất khi cần thiết. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản kiểm tra để thực hiện quản lý và lưu hồ sơ theo quy định. Chịu trách nhiệm toàn diện khi để ra xảy ra vi phạm mà không kịp thời xử lý đối với các hành vi vi phạm tại Quy định này trên địa bàn được giao quản lý.

6. Tổ chức xử lý các vi phạm theo quy định tại Điều 13 Quy định này và các quy định có liên quan. Thực hiện mọi biện pháp theo quy định của pháp luật để dừng ngay các hành vi vi phạm và buộc người sử dụng công trình phải tự tháo dỡ, di dời công trình, hoàn trả lại nguyên trạng đất đai khi không đảm bảo quy định tại Nghị quyết này.

7. Trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập biên bản, chuyển hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố để xử lý theo quy định.

8. Hàng quý (vào ngày 15 của tháng cuối quý) báo cáo về tình hình quản lý xây dựng, sử dụng công trình xây dựng trên đất nông nghiệp tại vùng sản xuất nông nghiệp tập trung của địa phương gửi Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 12. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tại vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

1. Tổ chức, cá nhân xây dựng công trình phải thông báo về thời điểm khởi công đến Ủy ban nhân dân cấp xã để theo dõi, quản lý theo quy định của Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Sử dụng công trình đúng mục đích tại Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tuân thủ quy định về an toàn lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Phải tự tháo dỡ hoặc phá dỡ, di dời công trình, hoàn trả lại nguyên trạng đất đai khi vi phạm các quy định tại Nghị quyết này hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Xây dựng công trình đúng với giấy phép xây dựng được cấp.

5. Tuân thủ các quy định về xử lý vi phạm tại Điều 13 Quy định này.

Điều 13. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi thực hiện không đúng Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

a) Bị xử lý vi phạm theo quy định tại mục 1, 2, 3, 4, 9, 10, 11 Phụ lục Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Đất đai.

2. Buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm.

3. Các công trình vi phạm quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và quy định pháp luật có liên quan.

4. Các công trình vi phạm quy định về bảo vệ môi trường sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và quy định pháp luật có liên quan.



Phụ lục

(Kèm theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND)

Mẫu số 01	Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung
Mẫu số 02	Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình trên đất nông nghiệp tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung
Mẫu số 03	Giấy phép xây dựng/ giấy phép xây dựng gia hạn công trình trên đất nông nghiệp tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung
Mẫu số 04	Đơn đề nghị gia hạn/cấp lại giấy phép xây dựng công trình trên đất nông nghiệp tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Mẫu số 01. Phương án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm....

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG

I. Điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội của xã

1. Điều kiện tự nhiên

2. Điều kiện kinh tế - xã hội (Tình hình sử dụng đất; Tình hình sản xuất nông nghiệp hiện trạng của xã; Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp...)

II. Hiện trạng sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Nêu cụ thể tình hình của từng vùng:

- Diện tích, năng suất, sản lượng; Tình hình ứng dụng tiến bộ, khoa học kỹ thuật trong sản xuất; chất lượng sản phẩm, Tình hình thu hoạch, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; Tình hình tổ chức, quản lý sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

- Hiện trạng hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất: Hệ thống thủy lợi (Nguồn nước tưới cho các vùng sản xuất; Hình thức tưới và tiêu cho các vùng sản xuất); Hệ thống giao thông nội đồng, Hệ thống điện và các công trình phụ trợ khác.

III. Đánh giá chung các điều kiện thuận lợi và khó khăn cho phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung

IV. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Nêu cụ thể cho từng vùng:

1. Diện tích, vị trí, ranh giới của vùng.

2. Định hướng các sản phẩm nông nghiệp chính.

3. Nhiệm vụ về tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (quy mô sản xuất từng loại sản phẩm; công trình hạ tầng phục vụ sản xuất; quản lý chất lượng; liên kết, tiêu thụ sản phẩm....).

4. Xác định loại công trình, vị trí, quy mô, diện tích công trình, kết cấu công trình (kèm theo bản đồ 1/500).

5. Các giải pháp thực hiện Phương án, nguồn lực thực hiện Phương án

V. Tổ chức thực hiện

Phân công rõ trách nhiệm

Mẫu số 02. Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình trên đất nông nghiệp tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TRÊN ĐẤT
NÔNG NGHIỆP TẠI CÁC VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền cấp phép.....

1. Tên tổ chức, cá nhân:....; Số định danh cá nhân/Mã số doanh nghiệp:..
 - Người đại diện (nếu là tổ chức):; Chức vụ:; Số định danh cá nhân:.....
 - Số điện thoại:
2. Thông tin công trình:
 - Địa điểm xây dựng: Tại xứ đồng:....., địa chỉ.....
 - Diện tích thửa đất.....m².
3. Tổ chức/cá nhân lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:
 - 3.1. Tổ chức/cá nhân lập thiết kế xây dựng:
 - Tên tổ chức/cá nhân:Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:.....
 - Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: ...
 - 3.2. Tổ chức/cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng:
 - Tên tổ chức/cá nhân:Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:.....
 - Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ trì thẩm tra thiết kế:
4. Nội dung đề nghị cấp phép:
 - Cấp công trình:
 - Cốt xây dựng:m.
 - Khoảng lùi (nếu có):m.
 - Diện tích xây dựng:.....m².
 - Chiều cao công trình:m

5. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Các nội dung theo quy định tại mục 4 tương ứng với loại công trình.

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: tháng.

6. Cam kết:

- Tự tháo dỡ hoặc phá dỡ, di dời công trình, hoàn trả lại nguyên trạng đất đai khi vi phạm các quy định tại Nghị quyết hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

- Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC.....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 03. Giấy phép xây dựng/ giấy phép xây dựng gia hạn công trình trên đất nông nghiệp tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

**CƠ QUAN CẤP GIẤY
PHÉP XÂY DỰNG.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG/GIẤY PHÉP XÂY DỰNG GIA HẠN
CÔNG TRÌNH TRÊN ĐẤT NÔNG NGHIỆP TẠI CÁC VÙNG
SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG
Số: .../GPXD**

I. Nội dung

1. Cấp cho:; Số định danh cá nhân/Mã số doanh nghiệp:.....

Địa chỉ: số nhà:đường....thôn phường (xã): tỉnh/thành phố:

2. Được phép xây dựng công trình: (tên công trình).....

- Theo thiết kế:.....

- Do:lập

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng (ghi rõ lô đất, xứ đồng, địa chỉ):

+ Cốt xây dựng:

+ Khoảng lùi (nếu có):m.

+ Mật độ xây dựng:, hệ số sử dụng đất:

+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:

+ Màu sắc công trình (nếu có):

+ Diện tích xây dựng:m²

+ Chiều cao công trình:m;

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Lưu: VT,

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kết.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

... , ngày ... tháng ... năm ...

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04. Đơn đề nghị gia hạn/cấp lại giấy phép xây dựng công trình trên đất nông nghiệp tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH TRÊN ĐẤT NÔNG NGHIỆP TẠI CÁC VÙNG
SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân:...; Số định danh cá nhân/Mã số doanh nghiệp:..

- Người đại diện (nếu là tổ chức):; Chức vụ:; Số định danh cá nhân:.....

- Số điện thoại:

2. Địa điểm xây dựng: Tại xứ đồng:....., địa chỉ.....

3. Diện tích thửa đất.....m².

4. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)

Nội dung Giấy phép:

.....

4. Lý do đề nghị gia hạn/cấp lại

.....

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế gia hạn/cấp lại:tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép gia hạn/cấp lại được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))